

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC – KHỐI MẪU GIÁO NHỎ 4 - 5 TUỔI
NĂM HỌC 2025 – 2026

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC	THCĐ
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1 - 9
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> <li>` Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	` Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi	2,7,9
		` Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	3,4 1
		` Bật liên tục về phía trước	1

		` Bật xa 35- 40cm	3
		` Bật nhảy từ trên cao xuống (Cao 30-35 cm)	5
		- Bật tách, khếp chân qua 5 ô	4
		- Bật qua vật cản cao 10 -15cm	6
		- Nhảy lò cò 3m	7
3	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi chạy đổi hướng vận động đúng tín hiệu,vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	` Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc(Đổi hướng) theo vạch chuẩn.	1,6,5, 8
		` Chạy 15m trong khoảng 10 giây	8
		` Chạy chậm 60-80 cm	9
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng ( khoảng cách 3 m). ` Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). ` Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	` Tung bóng lên cao và bắt bóng	2
		` Tung bắt bóng với người đối diện	4
		` Đập và bắt bóng tại chỗ	3
		` Ném xa bằng 1 tay, 2 tay	1, 6
		` Ném trúng đích bằng 1 tay	5
		` Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân	8,9
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. ` Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. ` Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m) ` Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m không chệch ra ngoài	` Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4 m	1
		` Bò đích dắc qua 5 điểm	2
		` Bò chui qua cổng, ống dài 1,2x 0,6m	3,7
		` Trườn theo hướng thẳng	4
		` Trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm	5
		` Trèo lên, xuống 5 gióng thang	6

6	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay</li> <li>` Gập, mở, các ngón tay	` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...</li> <li>` Gập giấy.	1,4,6,7,8
7	Trẻ phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình người, nhà, cây.</li> <li>` Cắt thành thạo theo đường thẳng. ` Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.</li> <li>` Biết tết sợi đôi. ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày, khâu, luồn, tết sợi đôi.	` Vẽ hình</li> <li>` Cắt đường thẳng ` Lắp ghép hình.</li> <li>` Cài, cởi cúc, khâu, luồn, buộc dây, tết sợi đôi.	1,2,3,5,9
8	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.</li> <li>` Rau, quả chín có nhiều vitamin.	` Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	2
9	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho rán; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn	3
10	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	4, 5,7
11	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng</li> <li>` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	` Tập đánh răng, lau mặt. -Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng, thay quần áo	1

12	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	-	
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã	- Tập luyện một số thói quen hành vi văn minh chào mời trong khi ăn, uống ` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	2
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định.	` Ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. ` Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	2,4,8
15	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch + Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ. + Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ. + Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.	` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. ` Nhận ra một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3
16	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước,		8

	suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần		
17	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: ` Không cưỡi đũa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</p> <p>` Không ăn thức ăn có mùi ôi không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	1,6	
18	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu</p> <p>` Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số ĐT người thân khi cần thiết	3,7	
2. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
a) Khám phá khoa học			
19	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn.	` Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người (Như mưa đá, nắng, nóng, gió Lào, gió lốc, sương rơi..). - Chức năng và các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Cách chăm sóc và bảo vệ cây.	2,6,8

20	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng .	` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</li> <li>` So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. ` Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.</li> <li>` Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. ` Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.</li> <li>` Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. ` So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</li> <li>` Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu ` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.</li> <li>` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	1,2, 3, 5,6,7
21	Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	` Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</li> <li>` Các nguồn nước trong môi trường sống. ` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</li> <li>` Một số đặc điểm , tính chất của nước	2,8
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	` Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</li> <li>` Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nước với cuộc sống con người, con vật, cây.	1, 2, 3, 5,7,8
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo	` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	1,2,3, 5, 6,7,8

	một hoặc hai dấu hiệu		
24	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”		5,6,7
25	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		5,6
26	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		1, 9
27	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		8,9
<i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>			
28	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1, 4,5,8,9
29	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. Trẻ biết đếm từ one,two, three... bằng tiếng anh	Đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng anh Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	1,3,5,7,8,9
30	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10		1,3,7,9

	bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
31	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.		1,3,4,5
32	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		1,3,4,5
33	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự		1,3
34	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	` Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe)	3,7
35	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	` Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. ` So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	6
36	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	` Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. ` Đo dung tích bằng một đơn vị đo	6 8
37	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	` So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. ` Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	4,7
38	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.		
39	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2

40	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	` Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8
41	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	` Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2
42	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	` Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
43	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.		
44	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. ` Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
45	Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
46	Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
47	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. ` Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê	4
48	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội .		1,3,4,6,7,9

49	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương .	hương, đất nước như: Tết nguyên đán và mùa xuân, Hàm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng," Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, Lễ hội Hoa Ban".	9
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
Nghe hiểu lời nói			
50	- Trẻ thực hiện được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”	- Hiểu và làm theo 2 – 3 yêu cầu	4
51	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: Đồ dùng, thực vật, động vật - Nghe, hiểu nghĩa của các từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	5,6,9
52	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	2,3,4
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
53	- Trẻ có khả năng nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	8
54	- Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ sự vật, hành động, đặc điểm...	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.	7
55	- Trẻ biết sử dụng được các loại câu	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu	6

	đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi	
56	- Trẻ có thể kể lại sự vật theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	5
57	- Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao	- Nghe, đọc 1 số bài thơ, ca dao, đồng dao... phù hợp với độ tuổi	1 => 9
58	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe	6
59	- Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch	9
60	- Trẻ sử dụng được các từ/cụm từ như: Mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi... trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1
61	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	8
Làm quen với việc đọc, viết			
62	- Trẻ biết chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	4,5,8
63	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và lật giở từng trang để xem tranh ảnh. Đọc sách theo tranh minh họa (Đọc vẹt)	- Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách - “Đọc” truyện qua sách, tranh ảnh - Làm quen với cách đọc sách (Hướng đọc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu)	6,9

		- Phân biệt phần mở đầu và phần kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách - Nhận dạng 1 số chữ cái	
64	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	5,7
65	- Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)	1,7
66	- Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “Viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen cách viết Tiếng Việt (Hướng viết từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải) - Tập tô, đồ 1 số nét chữ (Nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải...)	1,2,3,4,5,6,9
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI			
Phát triển tình cảm			
Thể hiện ý thức về bản thân, sự tự tin, tự lực			
67	- Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
68	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân	2
69	- Trẻ có thể tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích		1,2,4,5,6,7,8,9
70	-Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi)		1 ,2,3
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			

71	- Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	- Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	2
72	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, qua các trò chơi, bài hát, qua vận động, vẽ nặn, xếp hình ...	5
73	-Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ	9
74	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ		
75	-Trẻ biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước .	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước như: Lễ hội Hoa ban. Diềm văn hóa Linh Sơn, Khu du lịch Homsthay Mường Then.	6,9
Phát triển kĩ năng xã hội			
<i>Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i>			
76	- Trẻ thực hiện được 1 số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường)	1,3,7
77	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác. Sử dụng lời nói và	3
78	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô và bạn nói	cử chỉ lễ phép - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	3

79	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt và hợp tác	6
80	- Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn	4
<i>Quan tâm đến môi trường</i>			
81	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Phân biệt hành vi: Đúng – sai, tốt – xấu - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	5,6
82	- Trẻ nhận biết được thái độ và hành vi bảo vệ môi trường, không bẻ cành, bứt hoa.		6
83	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	4
84	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	- Tiết kiệm điện, nước	3,8
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
85	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	2,5,9
87	- Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình		2,3,4,5,6,7,8,9

	dáng...) của các tác phẩm TH		
86	- Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca)	1 ,2,5,9
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
88	-Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	1 => 9
89	- Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1 => 9
90	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	1,3,4,6,8
91	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, nét xiên, nét ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	1 => 9 6,7,8,9
92	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		
93	-Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm ó nhiều chi tiết		2,3,4,5,6
94	- Trẻ có thể phối hợp các kĩ năng xếp		4,7

	hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau		
95	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	1 => 9
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)			
96	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	7,8,9
97	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	5,8,9
98	- Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	1 => 9
99	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	2 => 9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

THỜI GIAN (TỪ NGÀY... ĐẾN NGÀY...)	STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	LÊ /HỘI	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
8/09- 3/10/ 2025	1	Trường mầm non thân	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng đồ chơi của bé	1 tuần		

		yêu - Tết trung thu	- Tết trung thu	1 tuần		
6/10- 24/10/2025	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé giới thiệu về mình	1 tuần		
			- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần		
			- Bé lớn lên như thế nào	1 tuần		
27/10 - 21/11/ 2025	3	Tổ ấm gia đình - Ngày hội của cô giáo	- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Những người thân của bé	1 tuần		
			- Nhu cầu gia đình	1 tuần		
			- Ngày Nhà giáo Việt Nam	1 tuần		
24/11 - 19/12/ 2025	4	Bé thích làm nghề gì? Ngày 22/12	- Nghề xây dựng	1 tuần		
			- Nghề chăm sóc sức khỏe	1 tuần		
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Ngày thành lập QĐNDVN	1 tuần		
22/12/2025 - 16/1/2026	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong GD	2 tuần		KTHKI 18 tuần ngày 9/1/2026 Bắt đầu HKII ngày 12/1/2026
			- Động vật sống trong rừng	1 tuần		
			- Động vật sống dưới nước	1 tuần		
19/1/2026 - 13/02/2026 (Nghỉ tết ND từ 14/02 - 22/2/2026)	6	Cây cối xung quanh bé - Tết và mùa xuân	- Một số loại cây	1 tuần		Ngày 23/2/2026 bắt đầu đi học sau nghỉ tết
			- Một Số loại hoa	1 tuần		
			- Tết và mùa xuân	1 tuần		
			- Một số loại quả	1 tuần		
23/2- 20/3/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông - Ngày 8/3	- Một số quy định GT	1 tuần		
			- Ngày 8/3	1 tuần		
			- PTGT đường bộ - đường sắt	1 tuần		
			- PTG T đường thủy - đường hàng không	1 tuần		
23/3 - 17/4/2026	8	Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	- Nước cần gì cho bé	2 tuần		
			- Mùa hè kỳ diệu	2 tuần		

20/4- 15/05/2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Tết thiếu nhi	- Em yêu TP Điện Biên	2 tuần		
			- Bác Hồ	1 tuần		
			- Tết thiếu nhi	1 tuần		

Tổng cộng 35 tuần thực học HKI 18 tuần, HKII 17 tuần. Thời gian còn lại sau ngày 15/5/2026 tổ chức các hoạt động ôn tập, trải nghiệm, thăm quan

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Đào Thắm